

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Thái Trung Nghĩa
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1983; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông Cang Hữu P, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2022 (BL01); Biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2022 (BL37) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Vào năm 2007 bà Nguyễn Thị C và ông Cang Hữu P có tổ chức lễ cưới theo phong tục, đến năm 2011 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/2011, sau cưới vợ chồng sống bên nhà cha mẹ chồng, tại ấp S, xã Đ, chung

sống hạnh phúc đến năm 2018 thì mất hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và bà C đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để ở và hai người ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Cang Hữu L (nam), sinh ngày 03/9/2008 và Cang Hữu Đ (nam) sinh ngày 11/8/2016.

Nay bà C nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông P. Về con chung cháu Cang Hữu L, sinh ngày 03/9/2008 có nguyện vọng sống chung với cha hay với mẹ thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, nếu cháu muốn sống với cha bà C không phản đối và đồng ý cấp dưỡng cho cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, nếu cháu L muốn sống với mẹ, bà C đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Cang Hữu Đ, sinh ngày 11/8/2016 bà C yêu cầu được nuôi dưỡng cháu đến 18 tuổi không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận với nhau, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông P, nhưng ông P không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà C, đồng thời ông P cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông P. Về con chung: Giao con chung là cháu Cang Hữu L (Nam), sinh ngày 03/9/2008 và cháu Cang Hữu Đ (Nam), sinh ngày 11/8/2016 cho bà C được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L, Đ đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu Cang Hữu L, nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông P, nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà C và ông P theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, nhận thấy hôn nhân của bà C và ông P là tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/8/2011. Quan hệ hôn nhân của bà C và ông P không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và hai người đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Bà C nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông P nên có nguyện vọng được ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau bà C và ông P có 02 người con chung tên Cang Hữu L (Nam), sinh ngày 03/9/2008 và cháu Cang Hữu Đ (Nam), sinh ngày 11/8/2016 hiện đang do bà C nuôi dưỡng. Bà C tôn trọng ý kiến của cháu Cang Hữu L muốn sống cha hay với mẹ thì người đó nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu L nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu L, Đ không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao các cháu Cang Hữu L (Nam), sinh ngày 03/9/2008 và cháu Cang Hữu Đ (Nam), sinh ngày 11/8/2016 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu L, Đ đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông P phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà C khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn ông Cang Hữu P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Cang Hữu P.

- Về con chung: Giao con chung là các cháu Cang Hữu L (Nam), sinh ngày 03/9/2008; Cang Hữu Đ (Nam), sinh ngày 11/8/2016 cho bà C được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu L, Đ đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu L nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu L có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông P phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cang Hữu P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Ông P không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cang Hữu L, Cang Hữu Đ của bà C thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Bà C khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà C khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0004283 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà C đã

thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Ông Cang Hữu P không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng